

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 57/ 2022/ HNGĐ - ST
Ngày: 02/8/2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Dũng
2. Bà Thái Thị Thủy Tiên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ: Ông Trần Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 498/2020/TLST–HNGĐ ngày 27/11/2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị Thanh M - Sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp 2, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T - Sinh năm 1990

HKTT: ấp 57, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang chấp hành án tại đội 1, phân trại số 01, trại giam kênh 7 thuộc ấp Kênh làng Đông, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Lương Thị Thanh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Văn T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã Xuân Quế theo giấy chứng nhận kết hôn số 65/2010. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, vợ chồng cự cãi và anh T ngoại tình với người khác. Anh T hiện đang chấp hành án tại Trại giam Kênh 7 thời hạn tù là 15 năm 09 tháng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung: Phạm Tuấn Anh, sinh ngày 21/9/2011 và Phạm Tuấn Khanh, sinh ngày 02/6/2013. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: anh thống nhất với chị M về việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do năm 2013 anh đi chấp hành án về thì tình cảm vợ chồng không còn như trước nữa. Đến tháng 7/2017, anh lại tiếp tục đi chấp hành án nên chị M bỏ nhà đi. Nay chị M yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn; về con chung: theo nguyện vọng của con nếu các cháu muốn sống với chị M thì giao các cháu cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung: không có.

* Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: cho chị M ly hôn anh T; giao 02 cháu Tuấn Anh và Tuấn Khanh cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị Lương Thị Thanh M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết vấn đề con chung với anh Phạm Văn T và anh T hiện đăng ký hộ khẩu tại xã Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: chị M có đơn yêu cầu ly hôn anh T nên chị M là nguyên đơn, anh T là bị đơn trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị M và anh T kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn theo chị M là vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, anh T có quan hệ ngoại tình với người khác. Đồng thời, anh T phải chấp hành án từ năm 2017 cho đến nay. Anh T cũng cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ khi anh đi chấp hành án về năm 2013, đến năm 2017 thì anh đi chấp hành án đến nay nên anh đồng ý ly hôn. Xét thấy, anh chị không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[5] Về con chung: chị M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và anh T thì có ý kiến là giao con theo nguyện vọng của các cháu. Mặt khác, cháu Tuấn Anh và Tuấn Khanh có nguyện vọng sống với chị M. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu Tuấn Anh và Tuấn Khanh cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu và anh T cũng không cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không có ai có đơn yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Về ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội Đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 09 và Điều 11 của Luật HNGĐ năm 2000 và các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị Thanh M.

1. Cho chị Lương Thị Thanh M được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: giao các cháu Phạm Tuấn Anh, sinh ngày 21/9/2011 và Phạm Tuấn Khanh, sinh ngày 02/6/2013 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị M, anh T vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh T có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: chị M phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí LHST nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị M đã nộp tại biên lai số 0009022 ngày 25/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị M đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Quế;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Trung